

Bản án số: 25/2019/DS-ST
Ngày 14 tháng 8 năm 2019
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU-TỈNH BẠC LIÊU**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Thị Mỹ Hằng

Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Tuyền

Ông Lê Tuấn Kiệt

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Kép – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Mỹ Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 73/2018/TLST-DS ngày 25 tháng 04 năm 2018 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2019/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2018, giữa đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **N Á N**, sinh năm 1956. (có mặt).

Địa chỉ: Số ###, ấp T T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Ông **L T T (tên gọi khác U)**, sinh năm 1979. (có mặt)

Địa chỉ: Số ##, đường T, hẻm #, khóm U, phường H, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, bà N trình bày: Từ tháng 12/2016 đến tháng 12/2017 ông T đã vay tiền của bà tổng cộng 03 lần, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Vào ngày 20/8/2015 âm lịch tức ngày 02/10/2015 dương lịch, ông T vay tiền gốc 72.500.000 đồng, lãi suất 2,5%/tháng, có làm lập “*Biên nhận ngày 28/8/2015 và 2-10.2015*”. Ông T đóng lãi cho bà được 27.000.000đ, chưa trả gốc.

- Lần thứ hai: Vào ngày 24/12/2016 dương lịch, ông T tiếp tục vay tiền gốc 10.000.000 đồng. Hai bên nhập tiền gốc vay trước 72.500.000.000 đồng với tiền vay gốc này thành 82.500.000đồng. Hai bên có lập “*Biên nhận ngày 24/12/2016*” nội dung ông T vay của bà 82.500.000 đồng, lãi suất 2,5%/tháng. Ông T có đóng lãi cho bà được là 14.000.000 đồng, chưa trả nợ gốc.

- Lần thứ ba: Vào ngày 29/10/2017 dương lịch, ông T vay tiếp số tiền gốc 6.500.000 đồng. Do trước đó ông T còn nợ bà 03 tháng tiền lãi trên số tiền gốc 82.500.000đ bằng số tiền 6.000.000đ nên hai bên có lập “*Biên nhận ngày 29/10/2017*” nội dung ông T vay của bà 12.500.000 đồng, chưa trả gốc.

Ngoài ra, ngày 20/12/2018 bà và ông T có lập biên nhận đề ngày 20/12/2018 dương lịch nội dung ông T vay của bà 4.000.000đ. Đây không phải là tiền gốc vay mà là tiền lãi của 02 tháng tiền lãi trên tiền gốc 82.500.000 đồng là 4.000.000 đồng.

* Ngày 14/5/2019 bà Nguyệt có đơn xin rút một phần khỏi kiện số tiền 6.000.000đ tại biên nhận ngày 29/10/2017 và 4.000.000đ tại biên nhận ngày 20/12/2018, do đây là tiền lãi không phải tiền gốc.

Ông T chưa lần nào trả tiền gốc cho bà, nay bà yêu cầu ông T trả tổng tiền vay gốc là 89.000.000đ và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông L T T (tên gọi khác U) trình bày:
Vào đầu năm 2014 ông có vay của bà N tiền gốc 10.000.000 đồng, lãi suất 15%/tháng, bà N có làm và đưa ông ký tên vào biên nhận, bà N là người giữ biên nhận này. Hàng tháng ông phải đóng lãi cho bà N 1.500.000 đồng. Đến khoảng tháng 5/2014 số tiền ông nợ bà N là 40.000.000 đồng nên ông có ghi biên nhận cho bà N 40.000.000 đồng, lãi suất bà N giảm còn 5%/tháng, hàng tháng ông đóng lãi đầy đủ mỗi tháng 2.000.000 đồng, đến năm 2016 ông bị bệnh viêm khớp xương, hoại tử không làm gì được nên ngưng đóng lãi.

Trong năm 2016 không nhớ ngày tháng, ông có vay của bà Nguyệt 2.000.000đ, không làm giấy tờ mà bà N tự ghi theo dõi, bà N không tính lãi suất đối với khoản vay này. Đến gần tết năm 2017 thì ông đã trả cho bà N 2.000.000 đồng này.

Ngoài ra, vào giữa năm 2017 (không nhớ tháng, ngày) bà N có ghi biên nhận nợ nội dung ông có nợ 86.000.000đ kêu ông ký tên nhưng vì ông không lần nào nợ 86.000.000đ nên khi bà N đưa ông ký thì bà N nói là tiền gốc và nợ lãi chưa đóng nên ông có tự ghi thêm vào phía dưới biên nhận là “*đây là tiền vốn công tiền lãi, lãi suất 15%/ tháng*”. (đối với biên nhận 86.000.000 đồng thì gốc là 40.000.000đ). Tuy nhiên không thấy bà N đưa ra biên nhận này.

Đến nay ông còn nợ và chỉ đồng ý trả tiền gốc cho bà Nguyệt là 40.000.000 đồng.

Về lãi, hàng tháng ông đều đóng lãi đầy đủ cho bà N, đến khi ông bị bệnh hoàn cảnh gặp khó khăn nên mới ngưng đóng, ông không nhớ đã đóng lãi cho bà N bao nhiêu, nay yêu cầu điều chỉnh lại mức lãi suất và đối trừ tiền lãi đã đóng.

**** Tại kết luận giám định số 30/GĐ- 2019 ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu xác định:***

1. Chữ viết:

1.1. Chữ viết “ L t t”, “L tt t”, “V t t” (L T T) (tại dòng thứ hai và dòng thứ mười từ trên xuống) trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3 so với chữ viết của L T T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M10 do cùng một người viết ra.

1.2. Chữ viết “ út” (tại dòng thứ hai từ trên xuống) trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A4 so với chữ viết của L T T (Ú) trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 do cùng một người viết ra.

2. Chữ viết:

2.1 Chữ ký (dạng đọc được) “ T” dưới chữ “ú” và dưới dòng chữ viết “người mượn” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký (chữ viết) của L T T (Ú) trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M10 do cùng một người viết ra.

2.2 Chữ ký dưới dòng chữ viết “L t t” (L T T) trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A 2 so với chữ ký của L T T (Ú) trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3 do cùng một người ký ra.

2.3. Chữ ký (dạng đọc được) “út” dưới dòng chữ viết “người mượn” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A3, A4 so với chữ ký (chữ viết) của L T T(Ú) trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 do cùng một người viết ra.

*** Tại phiên tòa:**

- Ý kiến trình bày của bà N: Giữ nguyên ý kiến rút một phần khởi kiện đối với số tiền 10.000.000 đồng; Yêu cầu ông T trả số tiền gốc vay 89.000.000 đồng; Về tiền lãi ông T đã đóng được 41.000.000 đồng, nay yêu cầu ông T trả tiền lãi trên tiền gốc 82.500.000 đồng với mức lãi theo quy định pháp luật, đối với tiền gốc 6.500.000 đồng tại biên nhận ngày 29/10/2017 bà không yêu cầu ông T trả lãi.

- Ý kiến trình bày của ông T: Ông đồng ý với kết luận giám định Số 30/GĐ- 2019 ngày 07/3/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu; đồng thời, ông thừa nhận chữ ký “T”, “Ú” và chữ viết “L T T” là do ông viết và ký. Tuy nhiên, ông ký vào các biên nhận trên là do bà N kêu ông ký để làm tin vì thật chất sau khi ông bị bệnh thì ông có thiếu tiền lãi của bà N. Thực tế không lần nào ông vay của bà N một lần số tiền gốc lớn đến 72.000.000 đồng, nếu một lần ông có số tiền lớn vậy thì đã đi trị bệnh chứ không để bệnh nặng như bây giờ. Nay yêu cầu Tòa án xem xét giảm lãi cho ông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về tuân theo pháp luật: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tuân thủ trình tự tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Các đương sự tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Qua đánh giá tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà N: Buộc ông T trả cho bà N số tiền nợ gốc 89.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định pháp luật trên số tiền 82.500.000 đồng, đồng thời có đối trừ tiền lãi 41.000.000 đồng mà ông T đã đóng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông T trả lãi trên nợ gốc 6.500.000 đồng vay ngày 29/10/2017. Đối với số tiền 10.000.000 đồng, do bà N rút lại yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

- Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc vay 99.000.000 đồng và tiền lãi, đây là tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn có địa chỉ tại Phường T, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu theo quy định của điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[1] Ngày 14/5/2019 bà N có đơn rút một phần khởi kiện tiền gốc 10.000.000 đồng. Xét thấy việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Nguyệt về yêu cầu này của bà N; nếu bà N khởi kiện lại sẽ được giải quyết ở vụ án khác; bà N không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[2] Giao dịch vay tài sản giữa bà N và ông T xảy ra trước và sau ngày 01/01/2017 và có tranh chấp nên theo quy định tại Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 thì áp dụng quy định bộ luật dân sự năm 2005 đối với giao dịch thực hiện xong trước ngày 01/01/2017 và áp dụng quy định bộ luật dân sự năm 2015 đối với giao dịch thực hiện sau ngày 01/01/2017 để giải quyết.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện trả số tiền nợ gốc 89.000.000 đồng của bà Nguyệt:

Bà N chứng minh yêu cầu của mình bằng các biên nhận gồm: Biên nhận ngày 28/8/2015 và 2-10.2015; Biên nhận ngày 24/12/2016; Biên nhận ngày 29/10/2017 và Biên nhận ngày 20/12.2018 dl. Tất cả đều có chữ ký “T”, “Ú” và chữ viết “L T T”. Theo bà N chữ ký “T”, “Ú” và chữ viết “L T T” trong các biên nhận trên là do ông T viết và ký tên.

Quá trình giải quyết vụ án ông T không thừa nhận chữ ký “T”, “Ú” và chữ viết “L T T” là do ông ký và viết.

Tại kết luận giám định Số 30/GĐ- 2019 ngày 07/3/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu kết luận chữ viết, ký tại các biên nhận là cùng một người viết, ký ra.

Tại phiên tòa, ông T đồng ý với kết luận giám định chữ ký, viết trên; đồng thời thừa nhận chữ ký “T”, “Ú” và chữ viết “L T T” là do ông viết và ký. Tuy nhiên, ông ký vào các biên nhận trên là do bà N kêu ông ký để làm tin vì sau khi ông bị bệnh thì ông có thiếu tiền lãi của bà N. Chứ thực tế ông không lần nào vay của bà N một lần số tiền gốc lớn đến 72.500.000 đồng, nếu ông có một lần số tiền lớn vậy thì ông đã đi trị bệnh chứ không để bệnh nặng như bây giờ.

Xét về nghĩa vụ chứng minh, theo quy định tại Điều 91 Bộ Luật tố tụng Dân sự, đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình có nghĩa vụ chứng minh cho sự phản đối đó. Như vậy, nghĩa vụ chứng minh về khoản nợ gốc 89.000.000 đồng là của ông T nhưng ông T không chứng minh được nên phải chịu hậu quả của việc không cung cấp được chứng cứ chứng minh được quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Do đó, không có căn cứ chấp

nhận lời trình bày của ông T, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà N, buộc ông T phải trả bà N số tiền gốc 89.000.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu của bà N về tiền lãi suất:

- Về số tiền lãi ông T đã đóng cho bà N: Bà N xác định số tiền ông T đã đóng cho bà tổng cộng là 41.000.000 đồng; ông T không nhớ đã đóng cho bà N bao nhiêu tiền nhưng tại phiên tòa hôm nay ông chấp nhận theo sự thừa nhận của bà N là ông đã đóng lãi tổng cộng 41.000.000 đồng. Căn cứ Điều 92 Bộ Luật tố tụng Dân sự đây là tình tiết không phải chứng minh. Như vậy có căn cứ xác định ông T đã đóng lãi cho bà N tổng cộng số tiền là 41.000.000 đồng.

- Về mức lãi suất: Do mức thỏa thuận lãi suất của đương sự là cao so với mức lãi suất theo quy định pháp luật, nên cần điều chỉnh lại cho phù hợp. Cụ thể:

+ Đối với tiền gốc 72.500.000 đồng, như đã nhận định ở trên, có căn cứ xác định vay vào ngày 20/8/2015 âm lịch (02/10/2015 dương lịch), với mức lãi suất 2,5%/tháng là vượt hơn 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố. Do giao dịch này xảy ra và thực hiện xong trước ngày 01/01/2017 và có tranh chấp nên theo quy định tại Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 thì áp dụng quy định Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết. Do đó theo quy định khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 cần điều chỉnh lại theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước là 1,125%/tháng. Cụ thể:

Tiền lãi ông T phải trả cho bà N từ ngày 02/10/2015 đến ngày 24/12/2016 trên số vốn vay 72.500.000 đồng là: $72.500.000 \text{ đồng} \times 14 \text{ tháng} \times 1,125\%/\text{tháng} = 12.016.875 \text{ đồng}$.

Đổi trừ tiền lãi ông T đã thanh toán cho bà N 27.000.000 đồng, nên số tiền lãi ông T đã đóng dư cho bà N là: $27.000.000 \text{ đồng} - 12.016.875 \text{ đồng} = 14.983.125 \text{ đồng}$.

+ Đối với nợ gốc 10.000.000 đồng vay ngày 24/12/2016, nhập với khoản vay trước 72.500.000 đồng thành tổng số tiền 82.500.000 đồng, mức lãi 2,5%/tháng.

Xét thấy, đối với tiền gốc 72.500.000 đồng của lần vay trước, như đã nhận định ở trên ông T đã đóng lãi dư số tiền 14.983.125 đồng nên phải đổi trừ tiền lãi dư sang tiền gốc vay của 72.500.000 đồng này, do đó tiền gốc vay này chỉ còn: $72.500.000 \text{ đồng} - 14.983.125 \text{ đồng} = 57.516.875 \text{ đồng}$.

Vì vậy, đến ngày 24/12/2016 tổng tiền gốc vay ông T nợ bà N là: $57.516.875 \text{ đồng} + 10.000.000 \text{ đ} = 67.516.875 \text{ đồng}$.

Từ ngày 25/12/2016 đến ngày 25 tháng 7/2017 (07 tháng) thì số lãi ông T phải trả cho bà N trên số tiền gốc 67.516.875 đồng là: $(67.516.875 \text{ đồng} \times 1,125\%/\text{tháng}) \times 07 \text{ tháng} = 5.316.953 \text{ đồng}$.

Đổi trừ tiền lãi ông T đã thanh toán cho bà N 14.000.000 đồng, nên số tiền lãi ông T đã đóng dư cho bà N là: $14.000.000 \text{ đồng} - 5.316.953 \text{ đồng} = 8.683.047 \text{ đồng}$.

Xét thấy, đối với tiền gốc 67.516.875 đồng của lần vay ngày 24/12/2016, như đã nhận định ở trên ông T đã đóng lãi dư số tiền 8.683.047 đồng nên phải đối trừ tiền lãi dư sang tiền gốc vay, do đó tiền gốc vay này chỉ còn: 67.516.875 đồng – 8.683.047 đồng = 58.833.828 đồng.

Từ tháng 7/2017 đến nay ông T không trả vốn lãi cho bà N nên tiền lãi ông T phải trả cho bà N từ tháng 7/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 14/8/2019 là 02 năm 19 ngày là: 58.833.828 đồng x 13.5%/năm x 02 năm 19 ngày = 16.304.324 đồng

+ Ngày 29/10/2017 ông T vay gốc 6.500.000 đồng nên tổng cộng số tiền gốc ông T còn phải trả cho bà N là: 58.833.828 đồng + 6.500.000 đồng = 65.333.828 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông T trả lãi trên nợ gốc 6.500.000 đồng vay ngày 29/10/2017.

Từ các phân tích nêu trên, có căn buộc ông T phải thanh toán cho bà N tiền gốc là 65.333.828 đồng và tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/8/2019) là 16.304.324 đồng

[5] Về chi phí giám định chữ viết, chữ ký là 4.080.000 đồng. Ông T phải chịu, bà N không phải chịu. Bà N đã dự nộp tạm ứng số tiền trên nên buộc ông T phải hoàn trả cho bà N số tiền 4.080.000 đồng.

[6] Về án phí: Ông L T T (tên gọi khác Ú) có đơn xin giảm án phí do thuộc trường hợp người gặp sự kiện bất khả kháng dẫn đến không có đủ tài sản để nộp án phí, đơn của ông T có xác nhận của UBND xã nơi cư trú của ông T. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 13, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Hội đồng xét xử giảm 50% án phí cho ông T. Do đó, ông L T T (tên gọi khác Ú) phải chịu án phí số tiền 2.040.000 đồng.

Bà N Á N thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội (người cao tuổi).

Như đã nhận định, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 688, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà N Á N đòi ông L T T (tên gọi khác Ú) trả số tiền 10.000.000đồng nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

2/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà N Á N đối với ông L T T (tên gọi khác Ú).

Buộc ông L T T (tên gọi khác Ú) có nghĩa vụ trả cho bà N Á N số tiền gốc 65.333.828 đồng và tiền lãi 16.304.324 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền trên đây, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Chi phí giám định chữ viết, chữ ký: Buộc ông L T T (tên gọi khác Ú) phải chịu số tiền 4.080.000 đồng. Bà N không phải chịu, bà N đã dự nộp 4.080.000 đồng, nên ông L T T (tên gọi khác Ú) có trách nhiệm hoàn trả cho bà N Á N số tiền 4.080.000 đồng.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông L T T (tên gọi khác Ú) phải chịu án phí số tiền 2.040.000 đồng.

Bà N Á N thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà N Á N đã nộp tiền tạm ứng án phí 2.050.000 đồng tại biên lai thu số 0008136 ngày 20/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự hành phố Bạc Liêu, bà Nguyệt được hoàn lại toàn bộ số tiền đã nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND Tp. Bạc Liêu;
- CCTHADS Tp. Bạc Liêu;
- Đương sự
- Lưu.

Thị Mỹ Hằng

